

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12-5-2023

Về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Danh
2. Ông Nguyễn Văn Ấn

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Nhật T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (có mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Nhật T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sau đó anh và chị H đã ly thân không còn sống chung nữa, anh yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H chung sống có 01 con chung tên Phạm Minh N, sinh ngày xx/xx/20xx, cháu N đang sống cùng với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Nguyệt H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng chị H không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Về hôn nhân: cho anh Phạm Nhật T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nguyệt H. Về con chung: giao con chung tên Phạm Minh N, sinh ngày xx/xx/20xx cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Nguyệt H nhưng chị không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị H vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của chị H không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của anh: Anh và chị H kết hôn năm 2011, sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sau đó anh và chị H đã ly thân không còn sống chung nữa. Về phía chị H, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy, chị không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm hàn gắn tình cảm với anh T và mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như anh T trình bày. Do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Minh N, sinh ngày xx/xx/20xx, hiện cháu đang sống với anh T. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của Tráng, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Nhân sống cùng anh đã ổn định về mọi mặt; hơn nữa cháu Nhân có nguyện vọng muốn sống cùng với anh T, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của anh T là có căn cứ để chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Nhựt T.

1. Về hôn nhân: Cho anh Phạm Nhựt T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nguyệt H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Phạm Minh N, sinh ngày xx/xx/20xx cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: anh T chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh T và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Phạm Nhựt T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Anh T đã nộp xong án phí. Chị H không phải nộp án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T, huyện Cần Đước, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm